

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Số: 1568/06-23

Mã mẫu: 2306NT193-2306NT194 (032/06-23) Trang: 1/1

Đơn vị yêu cầu : CÔNG TY THUỶ ĐIỆN BẢN VỄ
Tên dự án : NHÀ MÁY THUỶ ĐIỆN BẢN VỄ
Địa chỉ lấy mẫu : Xã Yên Na, huyện Tương Dương, tỉnh Nghệ An
Ngày lấy (nhận) mẫu : 06/06/2023 **Ngày trả kết quả**: 13/06/2023
Thời gian lưu mẫu : 5 ngày kể từ ngày trả kết quả
Loại mẫu : Nước thải
Mô tả mẫu : Nước hơi đục
Điều kiện lấy mẫu : Trời nắng, các hoạt động bình thường
Ký hiệu / vị trí lấy mẫu : NT1 đầu ra sau hệ thống xử lý nước thải sinh hoạt tại nhà 1 và 2
Toạ độ : X=2138661, Y=471675
: NT2 đầu ra sau hệ thống xử lý nước thải sinh hoạt tại nhà 3 và 4
Toạ độ : X=2138660, Y=471672

STT	Thông số	Đơn vị	Phương pháp Phân tích	Kết quả		QCVN 14:2008/ BTNMT -cột B
				NT1	NT2	
1	pH ^(a)	-	TCVN 6492:2011	7,23	7,31	5 – 9
2	BOD ₅ ^(a)	mgO ₂ /L	TCVN 6001-1:2008	23	16	50
3	COD ^(a)	mgO ₂ /L	SMEWW 5220.C:2017	44	31	-
4	TSS ^(a)	mg/L	TCVN 6625:2000	31	27	100
5	Tổng N ^(a)	mg/L	TCVN 6638:2000	6,38	4,45	-
6	Tổng P ^(a)	mg/L	TCVN 6202:2008	1,12	0,79	-
7	Coliform ^(a)	MPN/100mL	TCVN 6187-2:1996	2700	1100	5000

Ghi Chú:

KPH: Không phát hiện (<MDL)

MDL: Giới hạn phát hiện của phương pháp

QCVN 14:2008/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải sinh hoạt

(a): Thông số đã được Bộ tài nguyên và Môi trường công nhận

(b): Thông số đã được ISO/IEC 17025:2017 công nhận

(c): Thông số gửi nhà thầu phụ

PHÒNG THÍ NGHIỆM
Trưởng phòng

KT.GIÁM ĐỐC
Phó Giám Đốc

PHẠM THANH TOÀN



HOÀNG VĂN TÍN

1/ Kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu thử/ Testing results in this test report are valid only for the sample

2/ Thông tin về mẫu được ghi theo yêu cầu của khách hàng/ The sample information is written as customer's request

3/ Không được sao chép toàn bộ hoặc một phần kết quả này dưới bất kỳ hình thức nào nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của CEECO/

No fully or partial of this result may be reproduced in any form without prior permission in writing from CEECO

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Số: 1575/06-23

Mã mẫu: 2306NT205-2306NT206 (032/06-23) Trang: 1/1

Đơn vị yêu cầu: CÔNG TY THUỶ ĐIỆN BẢN VỄ
Tên dự án: NHÀ MÁY THUỶ ĐIỆN BẢN VỄ
Địa chỉ lấy mẫu: Xã Yên Na, huyện Tương Dương, tỉnh Nghệ An
Ngày lấy (nhận) mẫu: 06/06/2023 **Ngày trả kết quả**: 13/06/2023
Thời gian lưu mẫu: 5 ngày kể từ ngày trả kết quả
Loại mẫu: Nước thải
Mô tả mẫu: Nước hơi đục
Điều kiện lấy mẫu: Trời nắng, các hoạt động bình thường
Ký hiệu / vị trí lấy mẫu: **ND1** lấy tại bể thu gom nước ở sàn 98m trước khi xử lý
Toạ độ: X=2139363, Y=047222
ND2 lấy tại đầu ra của thiết bị tách nước lần đầu sau xử lý
Toạ độ: X=2139361, Y=0472206

STT	Thông số	Đơn vị	Phương pháp Phân tích	Kết quả		QCVN 40:2011/BTNMT T Cột A
				ND1	ND2	
1	pH ^(a)	-	TCVN 6492:2011	7,02	6,89	6 – 9
2	Độ màu ^(a)	Pt-Co	SMEWW 2120.C:2017	28,4	25,1	50
3	BOD ₅ ^(a)	mgO ₂ /L	TCVN 6001-1:2008	40	20	30
4	COD ^(a)	mgO ₂ /L	SMEWW 5220.C:2017	78	39	75
5	TSS ^(a)	mg/L	TCVN 6625:2000	43	32	-
6	Sunfua (S ²⁻) ^(a)	mg/L	SMEWW 4500-S ²⁻ .B&D:2017	KPH MDL=0,03	KPH MDL=0,03	0,2
7	Dầu mỡ khoáng ^(a)	mg/L	SMEWW 5520.B&F:2017	KPH MDL=0,3	KPH MDL=0,3	5
8	Chất rắn lơ lửng (SS) ^(a)	mg/L	TCVN 6625:2000	42	31	50
9	NH ₄ ⁺ (tính theo N) ^(a)	mg/L	TCVN 5988:1995	5,67	2,43	5
10	Tổng N ^(a)	mg/L	TCVN 6638:2000	10,5	5,31	20
11	Tổng P ^(a)	mg/L	TCVN 6202:2008	1,82	1,14	4
12	Coliform ^(a)	MPN/100mL	TCVN 6187-2:1996	2500	1300	3000

Ghi Chú:

KPH: Không phát hiện (<MDL)

MDL: Giới hạn phát hiện của phương pháp

QCVN 40:2011/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải công nghiệp

(a): Thông số đã được Bộ tài nguyên và Môi trường công nhận

(b): Thông số đã được ISO/IEC 17025:2017 công nhận

(c): Thông số gửi nhà thầu phụ

PHÒNG THÍ NGHIỆM
Trưởng phòng

KT.GIÁM ĐỐC
Phó Giám Đốc

PHẠM THANH TOÀN



PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Số: 1569/06-23

Mã mẫu: 2306NM195-2306NM196 (032/06-23) Trang : 1/2

Đơn vị yêu cầu : CÔNG TY THUỶ ĐIỆN BẢN VỄ
Tên dự án : NHÀ MÁY THUỶ ĐIỆN BẢN VỄ
Địa chỉ lấy mẫu : Xã Yên Na, huyện Tương Dương, tỉnh Nghệ An
Ngày lấy (nhận) mẫu : 06/06/2023 **Ngày trả kết quả:** 13/06/2023
Thời gian lưu mẫu : 5 ngày kể từ ngày trả kết quả
Loại mẫu : Nước mặt
Mô tả mẫu : Nước trong
Điều kiện lấy mẫu : Trời nắng, các hoạt động diễn ra bình thường
Ký hiệu / vị trí lấy mẫu : NM1 Bản Hòa Lý xã Mai Sơn Toạ độ : X=2165973, Y=460708
: NM2 Bản Xốp Pe, xã Nhơn Mai Toạ độ : X=2165973, Y=468677



STT	Thông số	Đơn vị	Phương pháp Phân tích	Kết quả		QCVN08-MT:2015/BTNMT	
				NM1	NM2	Cột B1	Cột B2
1	pH ^(a)	-	TCVN 6492:2011	7,53	7,88	5,5-9	5,5-9
2	TSS ^(a)	mg/L	TCVN 6625:2000	11	9	50	100
3	NH ₄ ⁺ (tính theo N) ^(a)	mg/L	TCVN 6179-1:1996	KPH MDL=0,02	KPH MDL=0,02	0,9	0,9
4	Sunfat (SO ₄ ²⁻)	mg/L	SMEWW 4500-SO ₄ ²⁻ .E:2017	<15	<15	-	-
5	NO ₃ ⁻ (tính theo N) ^(a)	mg/L	TCVN 6180:1996	0,254	0,420	10	15
6	NO ₂ ⁻ (tính theo N) ^(a)	mg/L	TCVN 6178:1996	0,036	0,052	0,05	0,05
7	Cyanua (CN ⁻) ^(a)	mg/L	SMEWW 4500-CN ⁻ .C&E:2017	KPH MDL=0,003	KPH MDL=0,003	0,05	0,05
8	BOD ₅ ^(a)	mgO ₂ /L	TCVN 6001-1:2008	10	8	15	25
9	COD ^(a)	mgO ₂ /L	SMEWW 5220.C:2017	19	17	30	50
10	Kẽm (Zn) ^(a)	mg/L	SMEWW 3111.B:2017	KPH MDL=0,02	KPH MDL=0,02	1,5	2
11	Sắt Tổng (Fe) ^(a)	mg/L	SMEWW 3111.B:2017	KPH MDL=0,03	KPH MDL=0,03	1,5	2
12	Mangan (Mn) ^(a)	mg/L	SMEWW 3111.B:2017	KPH MDL=0,03	KPH MDL=0,03	0,5	1

1/ Kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu thử/ Testing results in this test report are valid only for the sample
2/ Thông tin về mẫu được ghi theo yêu cầu của khách hàng/ The sample information is written as customer's request
3/ Không được sao chép toàn bộ hoặc một phần kết quả này dưới bất kỳ hình thức nào nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của CEECO/
No fully or partial of this result may be reproduced in any form without prior permission in writing from CEECO

Mã mẫu: 2306NM195-2306NM196 (032/06-23) Trang : 2/2

STT	Thông số	Đơn vị	Phương pháp Phân tích	Kết quả		QCVN08- MT:2015/ BTNMT	
				NM1	NM2		
13	Cadimi (Cd) ^(c)	mg/L	US EPA Method 200.7	KPH MDL=0,0007	KPH MDL=0,0007	0,05	0,05
14	Chì (Pb) ^(c)	mg/L	US EPA Method 200.7	KPH MDL=0,003	KPH MDL=0,003	0,01	0,01
15	Asen (As) ^(a)	mg/L	SMEWW 3114.B:2017	KPH MDL=0,0005	KPH MDL=0,0005	0,05	0,1
16	Thủy ngân (Hg) ^(a)	mg/L	SMEWW 3112.B:2017	KPH MDL=0,0003	KPH MDL=0,0003	0,001	0,002
17	Tổng Crôm (Cr) ^(c)	mg/L	US EPA Method 200.7	KPH MDL=0,003	KPH MDL=0,003	0,5	1
18	E.coli ^(a)	MPN/100 mL	TCVN 6187-2:1996	KPH MDL=3	KPH MDL=3	100	200
19	Coliform ^(a)	MPN/100 mL	TCVN 6187-2:1996	750	390	7500	10000

Ghi Chú:

KPH: Không phát hiện (<MDL)

MDL: Giới hạn phát hiện của phương pháp

QCVN08- MT:2015/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước mặt

(a): Thông số đã được Bộ tài nguyên và Môi trường công nhận

(b): Thông số đã được ISO/IEC 17025:2017 công nhận

(c): Thông số gửi nhà thầu phụ

PHÒNG THÍ NGHIỆM
Trưởng phòng

KT.GIÁM ĐỐC
Phó Giám Đốc

PHẠM THANH TOÀN

HOÀNG VĂN TÍN

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Số: 1570/06-23

Mã mẫu: 2306NM197-2306NM198 (032/06-23) Trang : 1/2

Đơn vị yêu cầu : CÔNG TY THUỶ ĐIỆN BẢN VỄ
Tên dự án : NHÀ MÁY THUỶ ĐIỆN BẢN VỄ
Địa chỉ lấy mẫu : Xã Yên Na, huyện Tương Dương, tỉnh Nghệ An
Ngày lấy (nhận) mẫu : 06/06/2023 **Ngày trả kết quả**: 13/06/2023
Thời gian lưu mẫu : 5 ngày kể từ ngày trả kết quả
Loại mẫu : Nước mặt
Mô tả mẫu : Nước trong
Điều kiện lấy mẫu : Trời nắng, các hoạt động diễn ra bình thường
Ký hiệu / vị trí lấy mẫu : NM3 Bản Chà Coong, xã Hữu Dương Toạ độ : X=2158318, Y=482057
: NM4 Bản Xiềng Lắm, xã Hữu Khuông Toạ độ : X=2158042, Y=487014



STT	Thông số	Đơn vị	Phương pháp Phân tích	Kết quả		QCVN08-MT:2015/ BTNMT	
				NM3	NM4	Cột B1	Cột B2
1	pH ^(a)	-	TCVN 6492:2011	7,98	7,96	5,5-9	5,5-9
2	TSS ^(a)	mg/L	TCVN 6625:2000	8	10	50	100
3	NH ₄ ⁺ (tính theo N) ^(a)	mg/L	TCVN 6179-1:1996	KPH MDL=0,02	KPH MDL=0,02	0,9	0,9
4	Sunfat (SO ₄ ²⁻)	mg/L	SMEWW 4500-SO ₄ ²⁻ .E:2017	<15	<15	-	-
5	NO ₃ ⁻ (tính theo N) ^(a)	mg/L	TCVN 6180:1996	0,384	0,179	10	15
6	NO ₂ ⁻ (tính theo N) ^(a)	mg/L	TCVN 6178:1996	0,051	0,037	0,05	0,05
7	Cyanua (CN ⁻) ^(a)	mg/L	SMEWW 4500-CN ⁻ .C&E:2017	KPH MDL=0,003	KPH MDL=0,003	0,05	0,05
8	BOD ₅ ^(a)	mgO ₂ /L	TCVN 6001-1:2008	7	6	15	25
9	COD ^(a)	mgO ₂ /L	SMEWW5220.C:2017	16	13	30	50
10	Kẽm (Zn) ^(a)	mg/L	SMEWW3111.B:2017	KPH MDL=0,02	KPH MDL=0,02	1,5	2
11	Sắt Tổng (Fe) ^(a)	mg/L	SMEWW 3111.B:2017	KPH MDL=0,03	<0,09	1,5	2
12	Mangan (Mn) ^(a)	mg/L	SMEWW 3111.B:2017	KPH MDL=0,03	KPH MDL=0,03	0,5	1

1/ Kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu thử/ Testing results in this test report are valid only for the sample

2/ Thông tin về mẫu được ghi theo yêu cầu của khách hàng/ The sample information is written as customer's request

3/ Không được sao chép toàn bộ hoặc một phần kết quả này dưới bất kỳ hình thức nào nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của CEECO/
No fully or partial of this result may be reproduced in any form without prior permission in writing from CEECO

Mã mẫu: 2306NM197-2306NM198 (032/06-23) Trang : 2/2

STT	Thông số	Đơn vị	Phương pháp Phân tích	Kết quả		QCVN08-MT:2015/BTNMT	
				NM3	NM4	Cột B1	Cột B2
13	Cadimi (Cd) ^(c)	mg/L	US EPA Method 200.7	KPH MDL=0,0007	KPH MDL=0,0007	0,05	0,05
14	Chì (Pb) ^(c)	mg/L	US EPA Method 200.7	KPH MDL=0,003	KPH MDL=0,003	0,01	0,01
15	Asen (As) ^(a)	mg/L	SMEWW 3114.B:2017	KPH MDL=0,0005	KPH MDL=0,0005	0,05	0,1
16	Thủy ngân (Hg) ^(a)	mg/L	SMEWW 3112.B:2017	KPH MDL=0,0003	KPH MDL=0,0003	0,001	0,002
17	Tổng Crôm (Cr) ^(c)	mg/L	US EPA Method 200.7	KPH MDL=0,003	KPH MDL=0,003	0,5	1
18	E.coli ^(a)	MPN/100 mL	TCVN 6187-2:1996	KPH MDL=3	KPH MDL=3	100	200
19	Coliform ^(a)	MPN/100 mL	TCVN 6187-2:1996	440	300	7500	10000

Ghi Chú:

KPH: Không phát hiện (<MDL)

MDL: Giới hạn phát hiện của phương pháp

QCVN08- MT:2015/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước mặt

(a): Thông số đã được Bộ tài nguyên và Môi trường công nhận

(b): Thông số đã được ISO/IEC 17025:2017 công nhận

(c): Thông số gửi nhà thầu phụ

PHÒNG THÍ NGHIỆM
Trưởng phòng

KT.GIÁM ĐỐC
Phó Giám Đốc



PHẠM THANH TOÀN

HOÀNG VĂN TÍN

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Số: 1571/06-23

Mã mẫu: 2306NM199-2306NM200 (032/06-23) Trang : 1/2

Đơn vị yêu cầu : CÔNG TY THUỶ ĐIỆN BẢN VỄ
Tên dự án : NHÀ MÁY THUỶ ĐIỆN BẢN VỄ
Địa chỉ lấy mẫu : Xã Yên Na, huyện Tương Dương, tỉnh Nghệ An
Ngày lấy (nhận) mẫu : 06/06/2023 **Ngày trả kết quả:** 13/06/2023
Thời gian lưu mẫu : 5 ngày kể từ ngày trả kết quả
Loại mẫu : Nước mặt
Mô tả mẫu : Nước trong
Điều kiện lấy mẫu : Trời nắng, các hoạt động diễn ra bình thường
Ký hiệu / vị trí lấy mẫu : NM5 Bản Lạp, xã Lượm Minh (xã Kim Tiến cũ) Toạ độ : X=2148719, Y=480924
: NM6 Bản Khom, xã Lượm Minh (xã Kim Đa cũ) Toạ độ : X=2145777, Y=476168

STT	Thông số	Đơn vị	Phương pháp Phân tích	Kết quả		QCVN08-MT:2015/BTN MT	
				NM5	NM6	Cột B1	Cột B2
1	pH ^(a)	-	TCVN 6492:2011	7.99	8.32	5,5-9	5,5-9
2	TSS ^(a)	mg/L	TCVN 6625:2000	<6	<6	50	100
3	NH ₄ ⁺ (tính theo N) ^(a)	mg/L	TCVN 6179-1:1996	KPH MDL=0,02	KPH MDL=0,02	0,9	0,9
4	Sunfat (SO ₄ ²⁻)	mg/L	SMEWW 4500-SO ₄ ²⁻ .E:2017	<15	<15	-	-
5	NO ₃ ⁻ (tính theo N) ^(a)	mg/L	TCVN 6180:1996	<0.06	KPH MDL=0,02	10	15
6	NO ₂ ⁻ (tính theo N) ^(a)	mg/L	TCVN 6178:1996	<0.015	<0.015	0,05	0,05
7	Cyanua (CN ⁻) ^(a)	mg/L	SMEWW 4500-CN ⁻ .C&E:2017	KPH MDL=0,003	KPH MDL=0,003	0,05	0,05
8	BOD ₅ ^(a)	mgO ₂ /L	TCVN 6001-1:2008	9	7	15	25
9	COD ^(a)	mgO ₂ /L	SMEWW5220.C:2017	18	15	30	50
10	Kẽm (Zn) ^(a)	mg/L	SMEWW3111.B:2017	KPH MDL=0,02	KPH MDL=0,02	1,5	2
11	Sắt Tổng (Fe) ^(a)	mg/L	SMEWW 3111.B:2017	<0,09	<0,09	1,5	2
12	Mangan (Mn) ^(a)	mg/L	SMEWW 3111.B:2017	KPH MDL=0,03	KPH MDL=0,03	0,5	1

1/ Kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu thử/ Testing results in this test report are valid only for the sample

2/ Thông tin về mẫu được ghi theo yêu cầu của khách hàng/ The sample information is written as customer's request

3/ Không được sao chép toàn bộ hoặc một phần kết quả này dưới bất kỳ hình thức nào nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của CEECO/
No fully or partial of this result may be reproduced in any form without prior permission in writing from CEECO

Mã mẫu: 2306NM199-2306NM200 (032/06-23) Trang : 2/2

STT	Thông số	Đơn vị	Phương pháp Phân tích	Kết quả		QCVN08-MT:2015/BTNMT	
				NM5	NM6	Cột B1	Cột B2
13	Cadimi (Cd) ^(c)	mg/L	US EPA Method 200.7	KPH MDL=0,0007	KPH MDL=0,0007	0,05	0,05
14	Chì (Pb) ^(c)	mg/L	US EPA Method 200.7	KPH MDL=0,003	KPH MDL=0,003	0,01	0,01
15	Asen (As) ^(a)	mg/L	SMEWW 3114.B:2017	KPH MDL=0,0005	KPH MDL=0,0005	0,05	0,1
16	Thủy ngân (Hg) ^(a)	mg/L	SMEWW 3112.B:2017	KPH MDL=0,0003	KPH MDL=0,0003	0,001	0,002
17	Tổng Crôm (Cr) ^(c)	mg/L	US EPA Method 200.7	KPH MDL=0,003	KPH MDL=0,003	0,5	1
18	E.coli ^(a)	MPN/100 mL	TCVN 6187-2:1996	KPH MDL=3	KPH MDL=3	100	200
19	Coliform ^(a)	MPN/100 mL	TCVN 6187-2:1996	900	530	7500	10000

Ghi Chú:

KPH: Không phát hiện (<MDL)

MDL: Giới hạn phát hiện của phương pháp

QCVN08- MT:2015/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước mặt

(a): Thông số đã được Bộ tài nguyên và Môi trường công nhận

(b): Thông số đã được ISO/IEC 17025:2017 công nhận

(c): Thông số gửi nhà thầu phụ

PHÒNG THÍ NGHIỆM
Trưởng phòng

KT.GIÁM ĐỐC
Phó Giám Đốc

PHẠM THANH TOÀN

HOÀNG VĂN TÍN

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Số: 1572/06-23

Mã mẫu: 2306NM201-2306NM202 (032/06-23) Trang : 1/2

Đơn vị yêu cầu : CÔNG TY THUỶ ĐIỆN BẢN VỄ
Tên dự án : NHÀ MÁY THUỶ ĐIỆN BẢN VỄ
Địa chỉ lấy mẫu : Xã Yên Na, huyện Tương Dương, tỉnh Nghệ An
Ngày lấy (nhận) mẫu : 06/06/2023 **Ngày trả kết quả:** 13/06/2023
Thời gian lưu mẫu : 5 ngày kể từ ngày trả kết quả
Loại mẫu : Nước mặt
Mô tả mẫu : Nước trong
Điều kiện lấy mẫu : Trời nắng, các hoạt động diễn ra bình thường
Ký hiệu / vị trí lấy mẫu : NM7 Bến thượng lưu Toạ độ : X=2140714, Y=472062
: NM8 Cửa nhận nước Toạ độ : X=2140075, Y=471812



STT	Thông số	Đơn vị	Phương pháp Phân tích	Kết quả		QCVN08- MT:2015/BTN MT	
				NM7	NM8	Cột B1	Cột B2
1	pH ^(a)	-	TCVN 6492:2011	8,59	8,45	5,5-9	5,5-9
2	TSS ^(a)	mg/L	TCVN 6625:2000	<6	<6	50	100
3	NH ₄ ⁺ (tính theo N) ^(a)	mg/L	TCVN 6179-1:1996	KPH MDL=0,02	KPH MDL=0,02	0,9	0,9
4	Sunfat (SO ₄ ²⁻)	mg/L	SMEWW 4500-SO ₄ ²⁻ .E:2017	<15	<15	-	-
5	NO ₃ ⁻ (tính theo N) ^(a)	mg/L	TCVN 6180:1996	KPH MDL=0,02	<0,06	10	15
6	NO ₂ ⁻ (tính theo N) ^(a)	mg/L	TCVN 6178:1996	KPH MDL=0,005	KPH MDL=0,005	0,05	0,05
7	Cyanua (CN ⁻) ^(a)	mg/L	SMEWW 4500-CN ⁻ .C&E:2017	KPH MDL=0,003	KPH MDL=0,003	0,05	0,05
8	BOD ₅ ^(a)	mgO ₂ /L	TCVN 6001-1:2008	5	8	15	25
9	COD ^(a)	mgO ₂ /L	SMEWW5220.C:2017	11	17	30	50
10	Kẽm (Zn) ^(a)	mg/L	SMEWW3111.B:2017	KPH MDL=0,02	KPH MDL=0,02	1,5	2
11	Sắt Tổng (Fe) ^(a)	mg/L	SMEWW 3111.B:2017	KPH MDL=0,03	KPH MDL=0,03	1,5	2
12	Mangan (Mn) ^(a)	mg/L	SMEWW 3111.B:2017	KPH MDL=0,03	KPH MDL=0,03	0,5	1

1/ Kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu thử/ Testing results in this test report are valid only for the sample

2/ Thông tin về mẫu được ghi theo yêu cầu của khách hàng/ The sample information is written as customer's request

3/ Không được sao chép toàn bộ hoặc một phần kết quả này dưới bất kỳ hình thức nào nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của CEECO/
No fully or partial of this result may be reproduced in any form without prior permission in writing from CEECO

Mã mẫu: 2306NM201-2306NM202 (032/06-23) Trang : 2/2

STT	Thông số	Đơn vị	Phương pháp Phân tích	Kết quả		QCVN08- MT:2015/BTN MT	
				NM7	NM8		
13	Cadimi (Cd) ^(c)	mg/L	US EPA Method 200.7	KPH MDL=0,0007	KPH MDL=0,0007	0,05	0,05
14	Chì (Pb) ^(c)	mg/L	US EPA Method 200.7	KPH MDL=0,003	KPH MDL=0,003	0,01	0,01
15	Asen (As) ^(a)	mg/L	SMEWW 3114.B:2017	KPH MDL=0,0005	KPH MDL=0,0005	0,05	0,1
16	Thủy ngân (Hg) ^(a)	mg/L	SMEWW 3112.B:2017	KPH MDL=0,0003	KPH MDL=0,0003	0,001	0,002
17	Tổng Crôm (Cr) ^(c)	mg/L	US EPA Method 200.7	KPH MDL=0,003	KPH MDL=0,003	0,5	1
18	E.coli ^(a)	MPN/100 mL	TCVN 6187-2:1996	KPH MDL=3	KPH MDL=3	100	200
19	Coliform ^(a)	MPN/100 mL	TCVN 6187-2:1996	270	600	7500	10000

Ghi Chú:

KPH: Không phát hiện (<MDL)

MDL: Giới hạn phát hiện của phương pháp

QCVN08- MT:2015/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước mặt

(a): Thông số đã được Bộ tài nguyên và Môi trường công nhận

(b): Thông số đã được ISO/IEC 17025:2017 công nhận

(c): Thông số gửi nhà thầu phụ

PHÒNG THÍ NGHIỆM
Trưởng phòng

au

PHẠM THANH TOÀN

KT.GIÁM ĐỐC
Phó Giám Đốc



HOÀNG VĂN TÍN

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Số: 1574/06-23

Mã mẫu: 2306NM203-2306NM204 (032/06-23) Trang : 1/2

Đơn vị yêu cầu : CÔNG TY THUỶ ĐIỆN BẢN VỄ
Tên dự án : NHÀ MÁY THUỶ ĐIỆN BẢN VỄ
Địa chỉ lấy mẫu : Xã Yên Na, huyện Tương Dương, tỉnh Nghệ An
Ngày lấy (nhận) mẫu : 06/06/2023 **Ngày trả kết quả**: 13/06/2023
Thời gian lưu mẫu : 5 ngày kể từ ngày trả kết quả
Loại mẫu : Nước mặt
Mô tả mẫu : Nước trong
Điều kiện lấy mẫu : Trời nắng, các hoạt động diễn ra bình thường
Ký hiệu / vị trí lấy mẫu : NM9 Cửa xả nhà máy Toạ độ : X=2139326, Y=472232
: NM10 Cầu qua sông Cả Toạ độ : X=2138827, Y=471884

STT	Thông số	Đơn vị	Phương pháp Phân tích	Kết quả		QCVN08-MT:2015/BTN MT	
				NM9	NM10	Cột B1	Cột B2
1	pH ^(a)	-	TCVN 6492:2011	8,22	7,85	5,5-9	5,5-9
2	TSS ^(a)	mg/L	TCVN 6625:2000	<6	8	50	100
3	NH ₄ ⁺ (tính theo N) ^(a)	mg/L	TCVN 6179-1:1996	KPH MDL=0,02	KPH MDL=0,02	0,9	0,9
4	Sunfat (SO ₄ ²⁻)	mg/L	SMEWW 4500-SO ₄ ²⁻ .E:2017	<15	<15	-	-
5	NO ₃ ⁻ (tính theo N) ^(a)	mg/L	TCVN 6180:1996	KPH MDL=0,02	KPH MDL=0,02	10	15
6	NO ₂ ⁻ (tính theo N) ^(a)	mg/L	TCVN 6178:1996	KPH MDL=0,005	KPH MDL=0,005	0,05	0,05
7	Cyanua (CN ⁻) ^(a)	mg/L	SMEWW 4500-CN ⁻ .C&E:2017	KPH MDL=0,003	KPH MDL=0,003	0,05	0,05
8	BOD ₅ ^(a)	mgO ₂ /L	TCVN 6001-1:2008	6	7	15	25
9	COD ^(a)	mgO ₂ /L	SMEWW5220.C:2017	14	15	30	50
10	Kẽm (Zn) ^(a)	mg/L	SMEWW3111.B:2017	KPH MDL=0,02	KPH MDL=0,02	1,5	2
11	Sắt Tổng (Fe) ^(a)	mg/L	SMEWW 3111.B:2017	<0,09	<0,09	1,5	2
12	Mangan (Mn) ^(a)	mg/L	SMEWW 3111.B:2017	KPH MDL=0,03	KPH MDL=0,03	0,5	1

1/ Kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu thử/ Testing results in this test report are valid only for the sample

2/ Thông tin về mẫu được ghi theo yêu cầu của khách hàng/ The sample information is written as customer's request

3/ Không được sao chép toàn bộ hoặc một phần kết quả này dưới bất kỳ hình thức nào nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của CEECO/ No fully or partial of this result may be reproduced in any form without prior permission in writing from CEECO

Mã mẫu: 2306NM203-2306NM204 (032/06-23) Trang : 2/2

STT	Thông số	Đơn vị	Phương pháp Phân tích	Kết quả		QCVN08-MT:2015/BTNMT	
				NM9	NM10	Cột B1	Cột B2
13	Cadimi (Cd) ^(c)	mg/L	US EPA Method 200.7	KPH MDL=0,0007	KPH MDL=0,0007	0,05	0,05
14	Chì (Pb) ^(c)	mg/L	US EPA Method 200.7	KPH MDL=0,003	KPH MDL=0,003	0,01	0,01
15	Asen (As) ^(a)	mg/L	SMEWW 3114.B:2017	KPH MDL=0,0005	KPH MDL=0,0005	0,05	0,1
16	Thủy ngân (Hg) ^(a)	mg/L	SMEWW 3112.B:2017	KPH MDL=0,0003	KPH MDL=0,0003	0,001	0,002
17	Tổng Crôm (Cr) ^(c)	mg/L	US EPA Method 200.7	KPH MDL=0,003	KPH MDL=0,003	0,5	1
18	E.coli ^(a)	MPN/100 mL	TCVN 6187-2:1996	KPH MDL=3	KPH MDL=3	100	200
19	Coliform ^(a)	MPN/100 mL	TCVN 6187-2:1996	440	280	7500	10000

Ghi Chú:

KPH: Không phát hiện (<MDL)

MDL: Giới hạn phát hiện của phương pháp

QCVN08- MT:2015/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước mặt

(a): Thông số đã được Bộ tài nguyên và Môi trường công nhận

(b): Thông số đã được ISO/IEC 17025:2017 công nhận

(c): Thông số gửi nhà thầu phụ

PHÒNG THÍ NGHIỆM
Trưởng phòng

KT.GIÁM ĐỐC
Phó Giám Đốc

PHẠM THANH TOÀN

HOÀNG VĂN TÍN

PHIẾU KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM

Số: 1573/06-23

Mã mẫu: 2306NM203 (032/06-23) Trang: 1/1

Đơn vị yêu cầu : CÔNG TY THUỶ ĐIỆN BẢN VỄ
Tên dự án : NHÀ MÁY THUỶ ĐIỆN BẢN VỄ
Địa chỉ lấy mẫu : Xã Yên Na, huyện Tương Dương, tỉnh Nghệ An
Ngày lấy (nhận) mẫu : 06/06/2023 **Ngày trả kết quả:** 13/06/2023
Thời gian lưu mẫu : 5 ngày kể từ ngày trả kết quả
Loại mẫu : Nước mặt
Mô tả mẫu : Nước trong
Điều kiện lấy mẫu : Trời nắng, các hoạt động diễn ra bình thường
Ký hiệu / vị trí lấy mẫu : NM9 Cửa xả nhà máy Toạ độ : X=2139326, Y=472232

STT	Thông số	Đơn vị	Phương pháp Phân tích	Kết quả	QCVN08- MT:2015/BTNMT	
					Cột B1	Cột B2
1	DO ^(a)	mg/L	TCVN 7325:2016	5,31	≥ 4	≥ 2
2	Tổng chất rắn hoà tan (TDS) ^(a)	mg/L	SOP-HT 03	138	-	-
3	BOD ₅ ^(a)	mgO ₂ /L	TCVN 6001-1:2008	6	15	25
4	NH ₄ ⁺ (tính theo N) ^(a)	mg/L	TCVN 6179-1:1996	KPH MDL = 0,02	0,9	0,9
5	PO ₄ ³⁻ (tính theo P) ^(a)	mg/L	TCVN 6202:2008	<0,06	0,3	0,5
6	Tổng dầu mỡ ^(a)	mg/L	SMEWW 5520.B:2017	KPH MDL = 0,3	1	1

Ghi Chú:

KPH: Không phát hiện (<MDL)

MDL: Giới hạn phát hiện của phương pháp

QCVN08- MT:2015/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước mặt

(a): Thông số đã được Bộ tài nguyên và Môi trường công nhận

(b): Thông số đã được ISO/IEC 17025:2017 công nhận

(c): Thông số gửi nhà thầu phụ

PHÒNG THÍ NGHIỆM
Trưởng phòng

KT.GIÁM ĐỐC
Phó Giám Đốc

PHẠM THANH TOÀN

HOÀNG VĂN TÍN

1/ Kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu thử/ Testing results in this test report are valid only for the sample
2/ Thông tin về mẫu được ghi theo yêu cầu của khách hàng/ The sample information is written as customer's request
3/ Không được sao chép toàn bộ hoặc một phần kết quả này dưới bất kỳ hình thức nào nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của CEECO/
No fully or partial of this result may be reproduced in any form without prior permission in writing from CEECO